FireAnt

CTCP Cảng Chân Mây (UPCOM: CMP)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,100
SL cổ phiếu LH	32,405,415
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	262
P/E	25.6
EPS	316

	YTD	1T	3T	6T
CMP	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

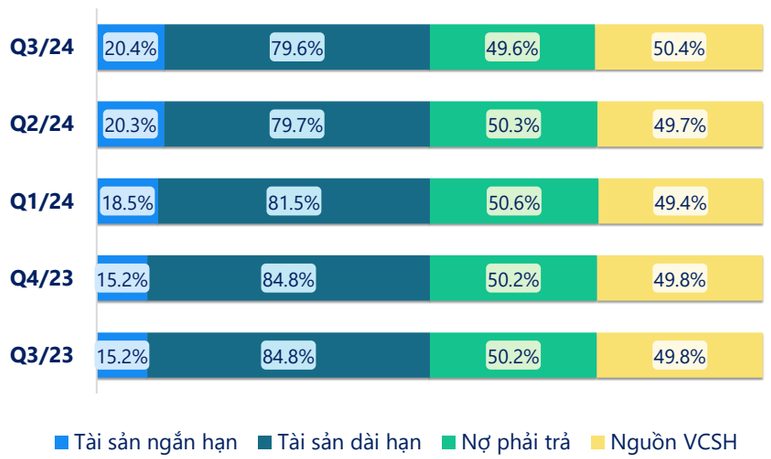

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

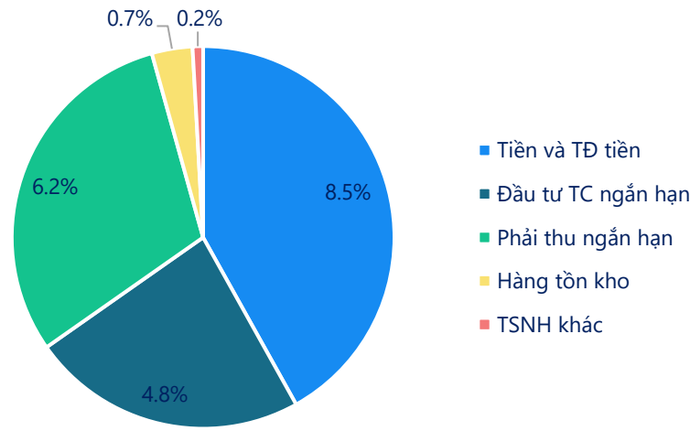

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

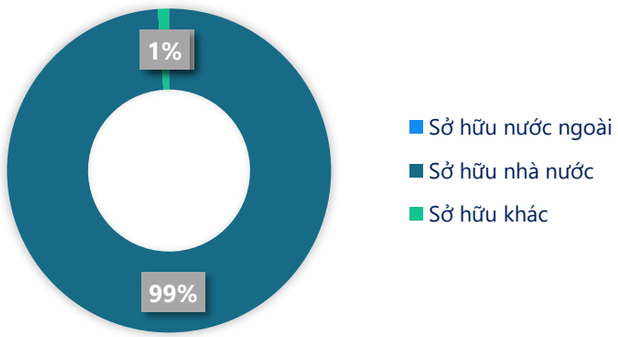

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

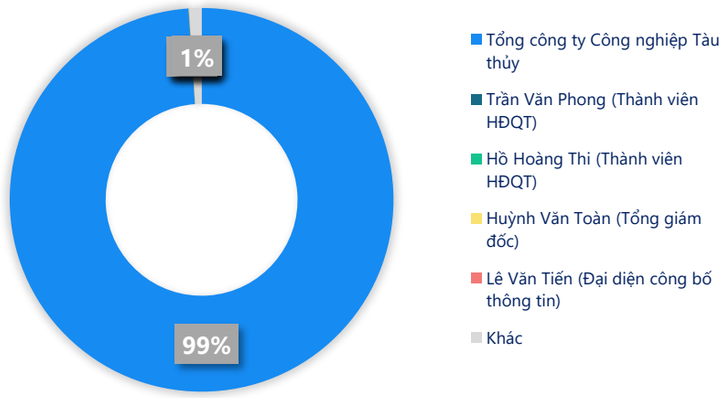

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

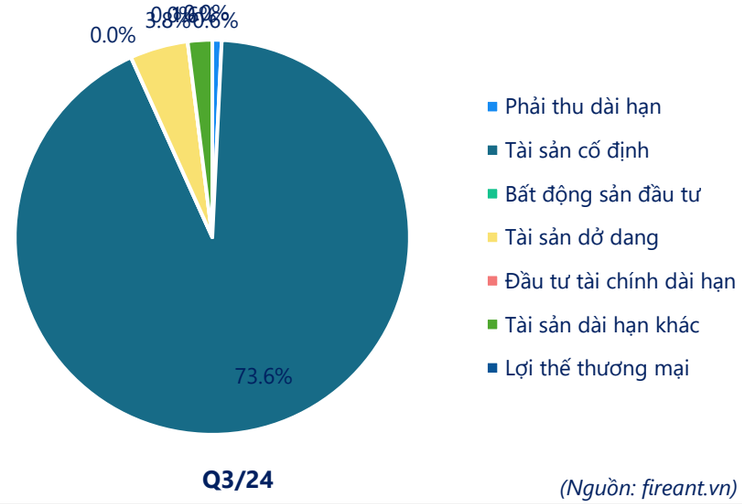

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cảng Chân Mây (UPCOM: CMP)

Tiền và tương đương tiền

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

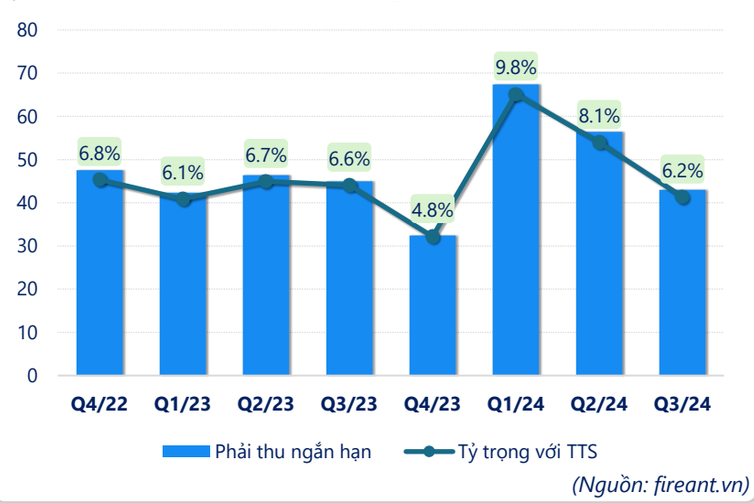

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

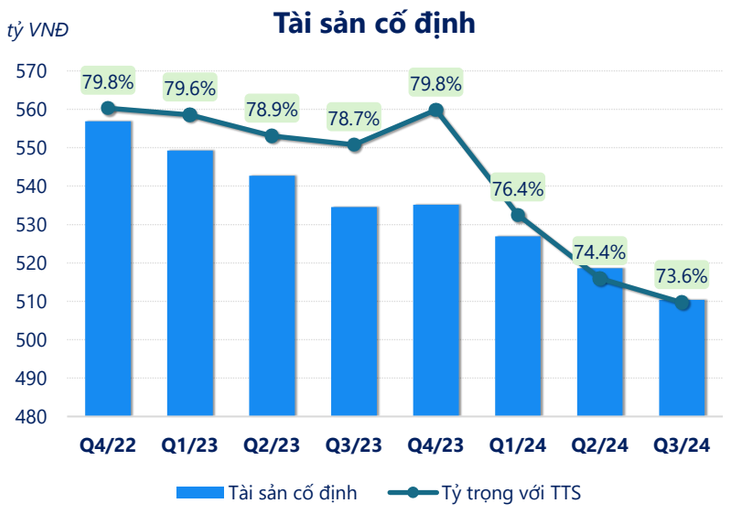

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

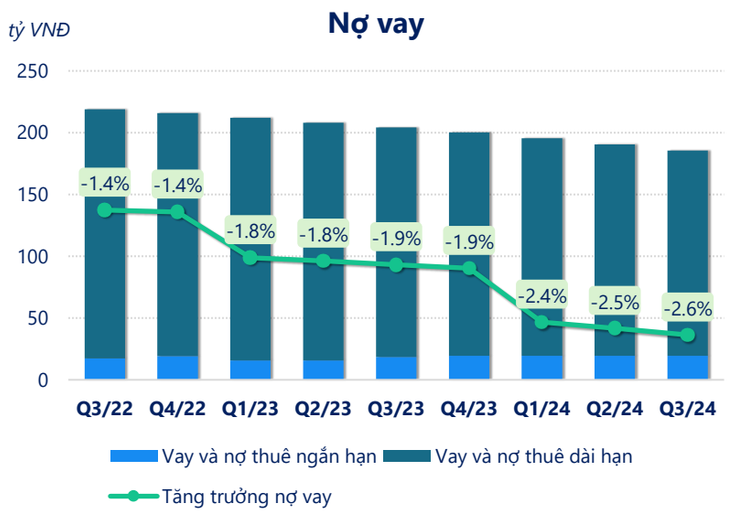

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

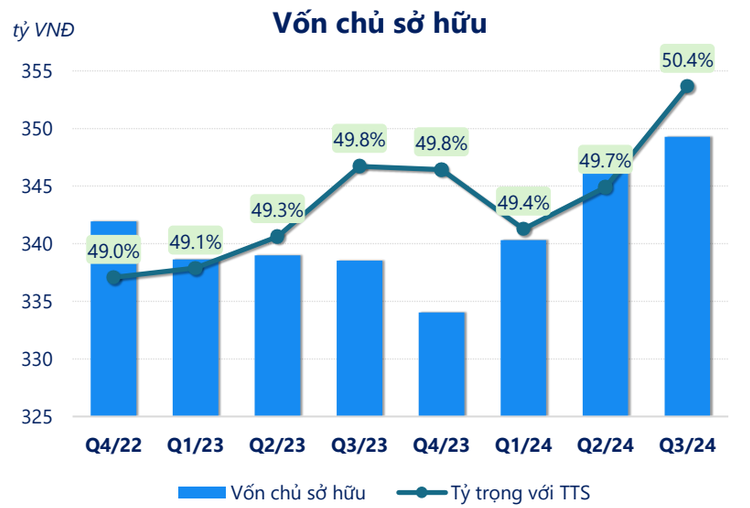

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cảng Chân Mây (UPCOM: CMP)

Kết quả kinh doanh

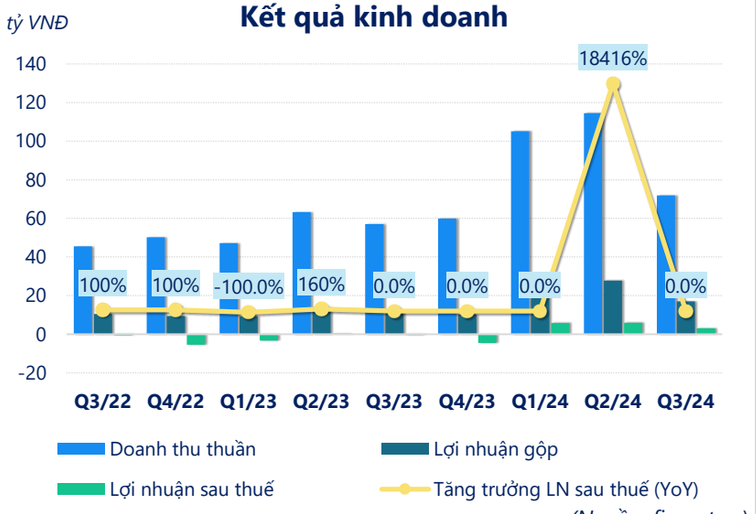

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

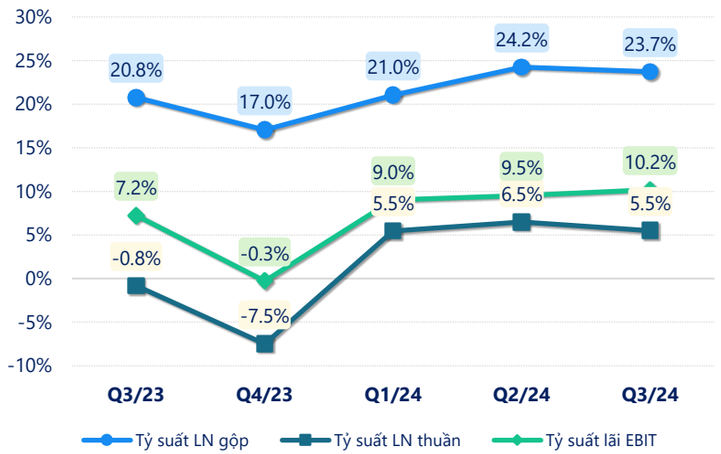

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

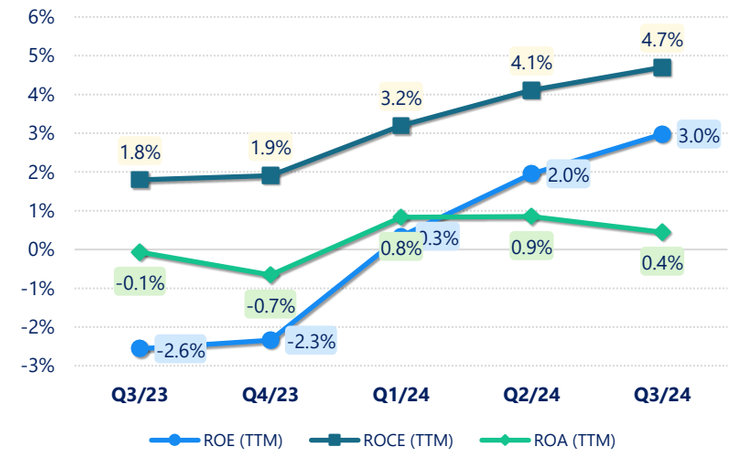

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

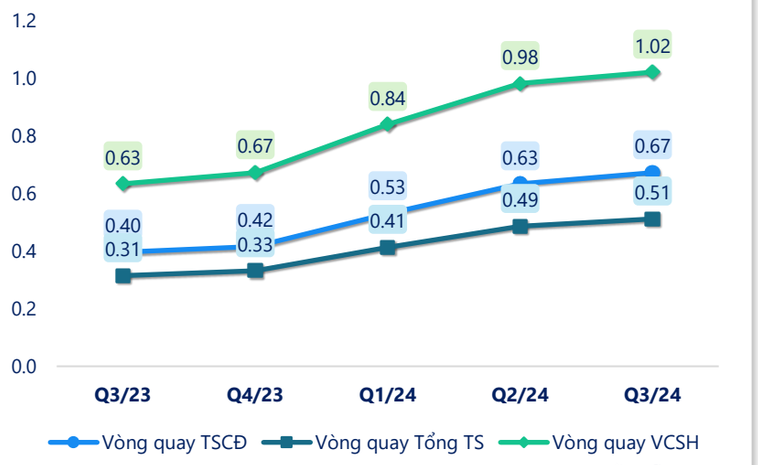

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

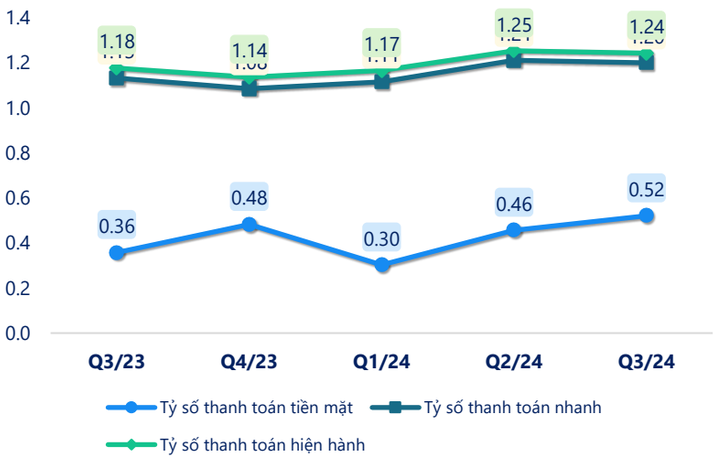

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

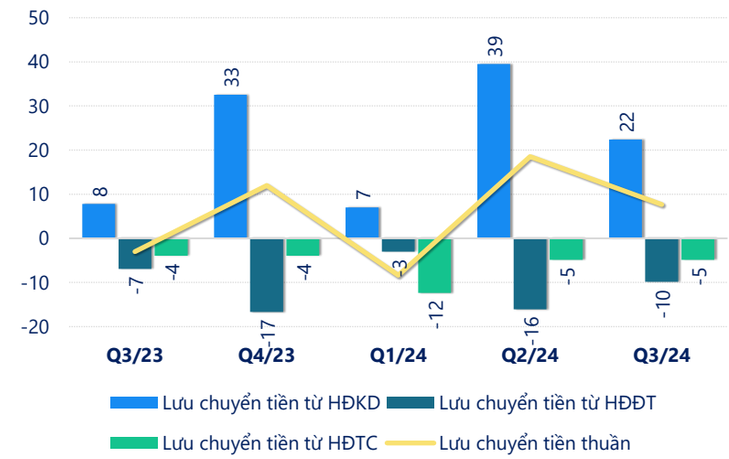

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Cảng Chân Mây (UPCOM: CMP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**693**	**671**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	141	102	38.4%
Tiền và tương đương tiền	59.2	41.4	43.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.0	18.0	83.3%
Phải thu ngắn hạn	43.0	31.9	34.6%
Hàng tồn kho	4.86	4.59	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.25	6.20	-79.9%
Tài sản dài hạn	**552**	**569**	**-3.0%**
Phải thu dài hạn	4.22	6.03	-30.1%
Tài sản cố định	510	535	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	26.2	13.6	92.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.0**	**14.2**	**-22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	344	337	2.2%
Nợ ngắn hạn	**114**	**89.7**	**26.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.52	2.54	157%
Nợ dài hạn	230	247	-6.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	166	181	-8.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**349**	**335**	**4.4%**
Vốn chủ sở hữu	**349**	**335**	**4.4%**
Vốn điều lệ	324	324	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	57.0	59.9	105	114	71.9
Giá vốn hàng bán	45.2	49.7	82.9	86.7	54.9
Lợi nhuận gộp	11.8	10.2	22.1	27.7	17.1
Doanh thu HĐTC	0.18	0.73	0.09	0.55	0.59
Chi phí TC	4.59	4.32	3.73	3.50	3.47
Chi phí lãi vay	4.59	4.32	3.73	3.50	3.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.30	0.97	0.75	0.50	0.45
Chi phí QLDN	7.59	10.1	12.0	16.9	9.78
LN thuần từ HĐKD	-0.46	-4.49	5.74	7.43	3.95
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.00	-0.02	-0.08
LN trước thuế	-0.46	-4.49	5.74	7.41	3.87
Lợi nhuận sau thuế	-0.46	-4.49	5.74	5.90	3.09
LNST của CĐ cty mẹ	-0.46	-4.49	5.74	5.90	3.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.81	32.6	7.00	39.5	22.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.92	-16.7	-3.00	-16.1	-9.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.92	-3.92	-12.4	-4.89	-4.89
Tiền đầu kỳ	34.4	31.4	41.4	33.1	51.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.03**	**12.0**	**-8.36**	**18.5**	**7.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.05	0	0.00	-0.02
Tiền cuối kỳ	31.4	43.4	33.1	51.6	59.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic